

Số: *1403* /TTCP-BTCDTW

Hà Nội, ngày *05* tháng 7 năm 2024

V/v Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện
Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 10/6/2024 của Ban Chỉ đạo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo (Chỉ thị số 35-CT/TW) và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái, Ủy viên Ban cán sự đảng Chính phủ; để xây dựng các Báo cáo của Ban cán sự đảng Chính phủ và của Ban cán sự đảng Thanh tra Chính phủ theo yêu cầu, Thanh tra Chính phủ đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (bộ, ngành trung ương) và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (địa phương) báo cáo tổng kết 10 năm việc thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, cụ thể như sau:

1. Báo cáo theo đề cương và các biểu số liệu kèm theo Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 10/6/2024 của Ban Chỉ đạo (gửi kèm Văn bản này).

Thời gian lấy số liệu báo cáo: ***Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 30/6/2024.***

2. Báo cáo gửi về Thanh tra Chính phủ **chậm nhất vào ngày 15/7/2024**, văn bản điện tử (bản mềm báo cáo *.doc và bản mềm biểu số liệu *.xls) gửi tới các hòm thư:

vutiepdan@thanhtra.gov.vn; phongtonghop@thanhtra.gov.vn

Đồng thời, gửi 01 bản cho vụ, cục thuộc Thanh tra Chính phủ được phân công theo dõi địa bàn, lĩnh vực, cụ thể:

- Các bộ, ngành: Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài nguyên và Môi trường gửi báo cáo về Vụ I theo địa chỉ thư điện tử: vu1@thanhtra.gov.vn

- Các bộ, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công an, Quốc phòng, Tư pháp, Nội vụ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp gửi báo cáo về Vụ II theo địa chỉ thư điện tử: vu2@thanhtra.gov.vn

- Các bộ, ngành trung ương còn lại gửi báo cáo về Vụ III theo địa chỉ thư điện tử: vu3@thanhtra.gov.vn

- Các tỉnh, thành phố Khu vực 1 (Miền Bắc, từ Ninh Bình trở ra) gửi báo cáo về Cục thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực 1 (Cục I) theo địa chỉ thư điện tử: cuc1@thanhtra.gov.vn.

- Các tỉnh, thành phố Khu vực 2 (Miền Trung, Tây Nguyên, từ Thanh Hóa đến Ninh Thuận) gửi báo cáo về Cục thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực 2 (Cục II) theo địa chỉ thư điện tử: cuc2@thanhtra.gov.vn.

- Các tỉnh, thành phố Khu vực 3 (Miền Nam) gửi báo cáo về Cục thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực 3 (Cục III) theo địa chỉ thư điện tử: cuc3@thanhtra.gov.vn.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ với Thanh tra Chính phủ (đ/c Đoàn Thanh Kỳ, Ban Tiếp công dân Trung ương, số điện thoại 080.49178 hoặc đ/c Nguyễn Đức Đạt, Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, số điện thoại 080.49014 để được hướng dẫn).

Đề nghị bộ, ngành trung ương và các địa phương quan tâm chỉ đạo thực hiện đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định./ *de*

Nơi nhận: *sh*

- Như trên;
- Tổng Thanh tra CP (để b/c);
- Các Phó Tổng Thanh tra CP;
- Thanh tra các bộ, ngành TW;
- Thanh tra các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công Thông tin điện tử TTCP;
- Các cục I, II, III, vụ: I, II, III, PC, KH-TH, Ban TCDTW;
- Lưu: VT, KH-TH. ₃

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



Dương Quốc Huy



ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo
(kèm theo Công văn số 405/TTCP-BTCĐTW ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Thanh tra Chính phủ)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát tình hình chung và những vấn đề có liên quan; những thuận lợi, khó khăn trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo (Chỉ thị số 35-CT/TW) tại đơn vị báo cáo (bộ, ngành trung ương, địa phương).

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW.

- Việc phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị.
- Việc ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa, hướng dẫn thực hiện Chỉ thị (*nêu cụ thể số lượng, nội dung văn bản đã ban hành*).
- Công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ kết đánh giá việc thực hiện Chỉ thị.

1.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chỉ thị số 35-CT/TW

2.1. Việc quán triệt, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC) của bộ, ngành, địa phương (*nêu cụ thể số văn bản của Đảng, Nhà nước đã được quán triệt, tổ chức thực hiện; nội dung, hình thức quán triệt, triển khai thực hiện; số lần, số đối tượng được quán triệt; tác dụng, hiệu quả, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC*).

2.2. Hoàn thiện thể chế, pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và liên quan đến quyền, lợi ích của người dân, nhất là trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, đầu tư, tài chính,...

2.3. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2.4. Kết quả tiếp công dân và giải quyết KNTC của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết KNTC theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2.5. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp xử lý, giải quyết các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài (*nêu rõ số vụ việc đã được xử lý, giải quyết/ tổng số vụ; số vụ việc còn tồn đọng hiện nay, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân ...*).

2.6. Kết quả công tác thanh tra đối với công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC; việc phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC và những hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ, quyền KNTC để cố ý vi phạm pháp luật.

2.7. Kết quả phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan thông tin, báo chí trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC.

2.8. Kết quả kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân và tham mưu giải quyết KNTC; việc bố trí trụ sở, trang bị phương tiện và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tiếp công dân và giải quyết KNTC (*thống kê số cán bộ, công chức làm công tác này; đánh giá chất lượng, mức độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao*).

(Số liệu chi tiết thống kê vào các Phụ lục kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Đánh giá chung về những ưu điểm, kết quả đạt được trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về tiếp công dân, giải quyết KNTC theo Chỉ thị số 35-CT/TW.

2. Hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm

2.1. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chỉ thị số 35-CT/TW (*nêu rõ những nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chưa hiệu quả; vướng mắc, bất cập của cơ chế, chính sách, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước*).

2.2. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

2.3. Bài học kinh nghiệm.

3. Những vấn đề đặt ra đối với công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC trong tình hình mới cần quan tâm giải quyết (*nêu rõ những vấn đề phát sinh đang đặt ra cho công tác tiếp dân, giải quyết KNTC*).

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

1. Nhiệm vụ, giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế, vướng mắc, những vấn đề phát sinh từ thực tiễn.

2. Nhiệm vụ, giải pháp giải quyết các vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài, tiềm ẩn nguy cơ thành điểm nóng, gây mất an ninh, trật tự, dễ bị các thế lực thù địch, phản động, cơ hội lợi dụng chống phá.

3. Nhiệm vụ, giải pháp để tăng cường sự lãnh đạo để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết KNTC.

4. Nhiệm vụ, giải pháp khác (nếu có).

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị, đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong Chỉ thị số 35-CT/TW (nếu có); đề xuất ban hành Kết luận hay Chỉ thị mới thay thế Chỉ thị số 35-CT/TW.

2. Kiến nghị, đề xuất các biện pháp, giải pháp mới nhằm thực hiện tốt hơn nữa công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC trong tình hình mới.

3. Kiến nghị, đề xuất về hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC.

4. Kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền chỉ đạo giải quyết những vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài, xử lý chưa dứt điểm; các vụ việc có nguy cơ tạo “điểm nóng” về an ninh, trật tự (nếu có).

5. Kiến nghị, đề xuất khác (nếu có).

Ghi chú:

Thời gian lấy số liệu báo cáo: *Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 30/6/2024.*



PHỤ LỤC 01

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU KẾT QUẢ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, THỰC HIỆN CÔNG TÁC
TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KNTC THEO CHỈ THỊ SỐ 35-CT/TW**
(Kèm theo Đề cương Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW)

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
1	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW			
1.1	<i>Công tác phổ biến, quán triệt</i>			
	Số văn bản đã ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa, hướng dẫn thực hiện Chỉ thị về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC ([1])	Văn bản		
	Số văn bản của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC đã được quán triệt, tổ chức thực hiện	Văn bản		
	Số cuộc/lượt người được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về công tác	Cuộc/lượt người		
1.2	<i>Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc các cấp ủy về việc thực hiện Chỉ thị</i>			
	Số cuộc kiểm tra, giám sát	Cuộc		
	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra, giám sát	Cơ quan, đơn vị		
2	Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC và liên quan đến quyền và lợi ích của người dân			
	Số văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới	Văn bản		
	Số văn bản cá biệt liên quan đến công tác	Văn bản		

	Số quy chế, quy trình, quy định về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC		Văn bản		
3	Kết quả tiếp công dân, giải quyết KNTC của người đứng đầu theo Chỉ thị số 35-CT/TW				
3.1	Số cuộc/lượt tiếp dân của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết KNTC theo quy định	Định kỳ	Cuộc/lượt người		<i>Nêu rõ tên cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp công dân</i>
		Đột xuất	Cuộc/lượt người		
	Số văn bản đã ban hành sau tiếp dân		Văn bản		
	Số vụ việc đã được giải quyết dứt điểm sau tiếp dân		Vụ		
	Số vụ việc chưa được giải quyết hoặc còn KNTC		Vụ		
3.2	<i>Kết quả giải quyết KNTC của người đứng đầu</i>				
3.2.1	Số vụ việc (đơn, thư) KNTC thuộc thẩm quyền giải quyết/ tổng số vụ việc đã tiếp nhận, thụ lý	Số đơn khiếu nại	Vụ/vụ		
		Số đơn tố cáo	Vụ/vụ		
		Số đơn phản ánh, kiến nghị	Vụ/vụ		
	Số vụ KNTC thuộc thẩm quyền đã xử lý, giải quyết xong, không còn phản ánh, kiến nghị, KNTC		Vụ (tỷ lệ %)		
	Số vụ KNTC thuộc thẩm quyền đã xử lý, giải quyết nhưng vẫn còn phản ánh, kiến nghị, KNTC		Vụ (tỷ lệ %)		<i>nêu rõ lý do</i>
	Số vụ KNTC thuộc thẩm quyền đang xử lý, giải quyết		Vụ (tỷ lệ %)		
	Kết quả phát hiện, xử lý các sai	Số tập thể, cá nhân có sai phạm bị kiến nghị xử lý	Tập thể/ cá nhân		

	phạm qua giải quyết KNTC	Số vụ việc chuyển cơ quan điều tra xem xét xử lý	Tập thể/ cá nhân		
		Số tài sản đã kiến nghị thu hồi cho nhà nước	Tiền/ ha đất		
3.2.2	Số vụ việc (đơn, thư) KNTC không thuộc thẩm quyền đã chỉ đạo xử lý, giải quyết	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Đơn		
		Số đơn trả lại và hướng dẫn công dân gửi đến cơ quan có thẩm quyền	Đơn		
		Số đơn thư do đơn trùng lặp, không rõ địa chỉ, mạo danh, nặc danh	Đơn		
		Số văn bản đã phát hành đơn đốc việc giải quyết	Đơn		
3.3	<i>Kết quả tiếp xúc đối thoại với người dân, doanh nghiệp của người đứng đầu (nếu có)</i>		Cuộc/lượt người		
	Kết quả xử lý những phản ánh, kiến nghị của người dân sau tiếp xúc, đối thoại	Đã xử lý dứt điểm	Vụ		
		Số vụ việc còn tồn đọng, đang giải quyết	Vụ		<i>nêu rõ lý do</i>
4	Kết quả tiếp công dân, giải quyết KNTC của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết KNTC				
4.1	Số cuộc/lượt tiếp dân của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết KNTC theo quy định	Định kỳ	Cuộc/lượt người		<i>Nêu rõ tên cơ quan, đơn vị tiếp công dân</i>
		Đột xuất	Cuộc/lượt người		
	Số văn bản đã ban hành sau tiếp dân		Văn bản		
	Số vụ việc đã được giải quyết dứt điểm sau tiếp dân		Vụ		

	Số vụ việc chưa được giải quyết hoặc còn KNTC		Vụ		
4.2	<i>Kết quả giải quyết KNTC</i>				
	Số vụ việc (đơn, thư) KNTC thuộc thẩm quyền giải quyết/ tổng số vụ việc đã tiếp nhận, thụ lý	Số đơn khiếu nại	Vụ/vụ		
		Số đơn tố cáo	Vụ/vụ		
		Số đơn phản ánh, kiến nghị	Vụ/vụ		
	Số vụ KNTC thuộc thẩm quyền đã xử lý, giải quyết xong, không còn phản ánh, kiến nghị, KNTC		Vụ (tỷ lệ %)		
	Số vụ KNTC thuộc thẩm quyền đã xử lý, giải quyết nhưng vẫn còn phản ánh, kiến nghị, KNTC		Vụ (tỷ lệ %)		<i>nêu rõ lý do</i>
	Số vụ KNTC thuộc thẩm quyền đang xử lý, giải quyết		Vụ (tỷ lệ %)		
	Kết quả phát hiện, xử lý các sai phạm qua giải quyết KNTC	Số tập thể, cá nhân có sai phạm bị kiến nghị xử lý	Tập thể/ cá nhân		
		Số vụ việc chuyển cơ quan điều tra xem xét xử lý	Tập thể/ cá nhân		
		Số tài sản đã kiến nghị thu hồi cho nhà nước	Tiền/ ha đất		
4.3	Kết quả phát hiện, xử lý sai phạm qua công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC	Số tập thể, cá nhân có sai phạm đã bị xử lý	Tập thể/ cá nhân		
		Số tập thể, cá nhân đang xem xét xử lý	Tập thể/ cá nhân		
5	Kết quả công tác thanh tra công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC				

	Số cuộc thanh tra		Cuộc		
	Số đối tượng được thanh tra		Đối tượng		
	Số tập thể, cá nhân bị xử lý, kiến nghị xử lý trách nhiệm qua thanh tra		Tập thể/cá nhân		
	Số vụ việc, đối tượng chuyển cơ quan điều tra, Ủy ban kiểm tra xem xét, xử lý theo quy định (nếu có)		Vụ/đối tượng		
	Số tập thể, cá nhân bị xử lý, kiến nghị xử lý trong công tác tiếp dân, giải quyết KNTC		Tập thể/cá nhân		
	Số cá nhân bị xử lý về hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ, quyền KNTC để cố ý vi phạm pháp luật		cá nhân		
6	Kết quả xây dựng đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất				
6.1	Số cán bộ công chức thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân và tham mưu giải quyết KNTC	Kiểm nhiệm	Người		
		Chuyên trách	Người		
6.2	Trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm, năng lực của cán bộ, công chức hiện nay	Đã được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC	Người (tỷ lệ %)		
		Chưa được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC	Người (tỷ lệ %)		<i>nêu rõ lý do</i>
		Mức độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao	Người (tỷ lệ %)		<i>nêu rõ lý do</i>

[1] Kèm Danh mục văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW



PHỤ LỤC 02

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CÁC VỤ VIỆC KNTC ĐÔNG NGƯỜI, PHỨC TẠP, KÉO DÀI
(Kèm theo Đề cương Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW)

I. SỐ VỤ VIỆC KNTC ĐÔNG NGƯỜI, PHỨC TẠP, KÉO DÀI THUỘC THẨM QUYỀN ĐÃ CHỈ ĐẠO XỬ LÝ GIẢI QUYẾT XONG, KHÔNG CÒN KNTC

STT	Tên vụ việc	Kết quả		Ghi chú
		Năm phát sinh	Năm giải quyết xong	
1	Vụ A			
	- Tóm tắt nội dung			
	- Kết quả giải quyết			
2	Vụ B			
	- Tóm tắt nội dung			
	- Kết quả giải quyết			
3	Vụ C			
	- Tóm tắt nội dung			
	- Kết quả giải quyết			
Cộng	TỔNG SỐ VỤ/ NGƯỜI			

II. SỐ VỤ VIỆC KNTC ĐÔNG NGƯỜI, PHỨC TẠP, KÉO DÀI ĐÃ ĐƯỢC CHỈ ĐẠO GIẢI QUYẾT, NHƯNG VẪN CÒN KNTC

STT	Nội dung	Năm phát sinh	Tóm tắt kết quả đã giải quyết	Tóm tắt nội dung còn KNTC
1	Vụ việc KNTC đã được lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết nhưng trong quá trình thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc, công dân vẫn còn tiếp tục KNTC			
1.1	Vụ A (tóm tắt nội dung)			
1.2	Vụ B (tóm tắt nội dung)			

1.3	Vụ C (tóm tắt nội dung)			
	TỔNG SỐ VỤ/ NGƯỜI			
2	Vụ việc khiếu nại đã được bộ, ngành giải quyết đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật nhưng công dân vẫn tiếp tục khiếu nại			
2.1	Vụ A (tóm tắt nội dung)			
2.2	Vụ B (tóm tắt nội dung)			
2.3	Vụ C (tóm tắt nội dung)			
Cộng	TỔNG SỐ VỤ/ NGƯỜI			
3	Vụ việc tố cáo đã được bộ, ngành giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng công dân vẫn tiếp tục tố cáo			
3.1	Vụ A (tóm tắt nội dung)			
3.2	Vụ B (tóm tắt nội dung)			
3.3	Vụ C (tóm tắt nội dung)			
Cộng	TỔNG SỐ VỤ/ NGƯỜI			
4	Vụ việc KNTC đông người hoặc đơn lẻ nhưng người KNTC có những hành vi quá khích, vi phạm pháp luật hoặc bị kẻ xấu xúi giục, kích động gây ảnh hưởng			
4.1	Vụ A (tóm tắt nội dung)			
4.2	Vụ B (tóm tắt nội dung)			
Cộng	TỔNG SỐ VỤ/ NGƯỜI			

III. SỐ VỤ VIỆC KNTC ĐÔNG NGƯỜI, PHỨC TẠP, KÉO DÀI MỚI PHÁT SINH

STT	Tóm tắt nội dung vụ việc	Thời gian thụ lý	Tóm tắt kết quả đã giải quyết	Ghi chú
1	Vụ A (tóm tắt nội dung)			

2	Vụ B (tóm tắt nội dung)			
3	Vụ C (tóm tắt nội dung)			
Cộng	TỔNG SỐ VỤ/ NGƯỜI			